

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 936/2024/DS-ST
Ngày: 26/9/2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Thị Phương Trinh.
- Ông Phạm Văn Chính.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Công Danh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 562/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 411/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần T2.

Trụ sở: Tòa nhà T3, số E phố L, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thạch Trung H (có mặt), ông Lê Nhất T (vắng mặt) - (giấy ủy quyền số 733/2023/GUQ-TPB.DR ngày 31/10/2023).

Địa chỉ liên hệ: lầu 4, C Hậu Giang, phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thụy Yến T1, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Nơi thường trú: 287/2 ấp G, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ khi ký kết hợp đồng: 277/2 ĐT 4-2 tổ E, ấp G, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 10 năm 2023, bản tự khai ngày ngày 08/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/12/2021, Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng T2) ký đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay từng lần số 185/TTKD TDTT TBH/01 với bà Huỳnh Thụy Yến T1, cụ thể như sau: Số tiền vay là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, mục đích vay bổ sung kinh doanh, thời hạn 36 tháng.

Tính đến hiện tại thì khách hàng đã thanh toán hàng tháng theo lịch trả nợ được số tiền là 194.261.385 đồng, trong đó trả nợ gốc là 117.489.523 đồng, lãi là 76.771.862 đồng. Theo hợp đồng tín dụng nêu trên thì bà T1 đã vi phạm hợp đồng tín dụng kể từ ngày 26/6/2023.

Dư nợ tạm tính đến ngày 08/5/2024 là 225.181.239 đồng, trong đó nợ gốc là 182.510.477 đồng, nợ lãi là 42.670.762 đồng.

Thời gian qua ngân hàng đã nhiều lần gọi điện đôn đốc, gửi thông báo thu hồi nợ trước hạn, thông báo khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ đã cam kết nhưng bà T1 không thực hiện.

Do bà T1 không muốn trả nợ, do đó ngân hàng T2 yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

1. Buộc bà Huỳnh Thụy Yến T1 thanh toán cho ngân hàng T2 tổng số tiền của khoản vay tạm tính đến ngày 08/5/2024 là 225.181.239 đồng, trong đó nợ gốc là 182.510.477 đồng, nợ lãi là 42.670.762 đồng.

2. Buộc bà Huỳnh Thụy Yến T1 thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt theo thỏa thuận tại hợp đồng cho vay nêu trên kể từ ngày 09/5/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Trong trường hợp bà Huỳnh Thụy Yến T1 không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng T2 có quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, phát mãi tài sản thuộc sở hữu của bà Huỳnh Thụy Yến T1 để thu hồi nợ cho Ngân hàng T2.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Huỳnh Thụy Yến T1 đối với Ngân hàng T2. Nếu số tiền thu được từ bán/ xử lý tài sản không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Huỳnh Thụy Yến T1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng T2.

Bị đơn là bà Huỳnh Thụy Yến T1 đã được Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập và tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án

ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng không có ý kiến đồng thời vắng mặt tại các phiên họp và phiên tòa xét xử sơ thẩm không có lý do.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu: Buộc bà Huỳnh Thụy Yến T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T2 theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay từng lần số 185/TTKD TDDT TBH/01 ngày 17/12/2021 tổng số tiền là 246.941.779 (hai trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm bảy mươi chín) đồng, trong đó bao gồm: nợ gốc là 182.510.477 đồng, nợ lãi trong hạn là 32.697.931 đồng, nợ lãi quá hạn là 28.863.576 đồng, phạt chậm trả là 2.581.550 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 27/9/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ; rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu số 3 và số 4.

Bị đơn là bà Huỳnh Thụy Yến T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các điều 70, 71, 85, 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 91, Điều 92 và Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 90, Điều 91, và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 117, Điều 274, khoản 1 Điều 275, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn là Ngân hàng T2 có đơn khởi kiện đối với bà Huỳnh Thụy Yến T1 liên quan đến đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay từng lần số 185/TTKD TDDT TBH/01 ngày 17/12/2021. Bà T1 có nơi thường trú: 287/2 ấp G, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ khi ký kết hợp đồng: 2 tổ E,

ấp G, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh và quan hệ tranh chấp này phát sinh từ tranh chấp hợp đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng*: Bà Huỳnh Thụy Yến T1 đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Nguyên đơn yêu cầu buộc bà Huỳnh Thụy Yến T1 thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến hết ngày 26/9/2024 tổng số tiền là 246.941.779 (hai trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm bảy mươi chín) đồng, trong đó tiền nợ gốc là: 182.510.477 đồng, nợ lãi trong hạn là 32.697.931 đồng, nợ lãi quá hạn là 28.863.576 đồng, phạt chậm trả là 2.581.550 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 27/9/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay từng lần số 185/TTKD TDTT TBH/01 ngày 17/12/2021.

[4]. Căn cứ đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay từng lần số 185/TTKD TDTT TBH/01 ngày 17/12/2021 được ký kết giữa Ngân hàng T2 và bà Huỳnh Thụy Yến T1, có căn cứ xác định khi ký kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện, chủ thể, hình thức, nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

[5]. Theo thỏa thuận trong đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay từng lần số 185/TTKD TDTT TBH/01 ngày 17/12/2021 thì Ngân hàng T2 cho bà Huỳnh Thụy Yến T1 vay số tiền là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, mục đích vay vốn bổ sung kinh doanh; thời hạn vay 36 tháng (từ ngày 19/12/2021 đến 18/12/2024); lãi suất cố định là 21,5%/năm áp dụng cho hết thời hạn cho vay; phương thức trả nợ gốc và lãi vào ngày 25 hàng tháng; ngày trả nợ gốc và lãi đầu tiên là ngày 25/01/2022; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Thực hiện hợp đồng trên, cùng ngày Ngân hàng T2 đã giải ngân cho bà T1 01 lần với tổng số tiền là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng vào tài khoản số 05325870901 tại Ngân hàng T2.

[6]. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T1 đã thanh toán cho Ngân hàng T2 theo hợp đồng số 185/TTKD TDTT TBH/01 ngày 17/12/2021 tổng số tiền là 194.261.385 đồng, trong đó trả nợ gốc là 117.489.523 đồng, lãi là 76.771.862 đồng. Nhưng kể từ ngày 26/6/2023 bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, do đó Ngân hàng T2 đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 26/9/2024 bà T1 mới trả nợ gốc cho ngân hàng là 117.489.523 đồng, nợ gốc còn lại là: 182.510.477 đồng. Như vậy, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận của hợp đồng; vi phạm Điều 280 và

Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nay Ngân hàng T2 yêu cầu bà T1 có nghĩa vụ trả số nợ gốc còn lại là: 182.510.477 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[7]. *Xét yêu cầu về lãi suất:* Về lãi suất đã được Ngân hàng T2 tính toán, thực hiện theo đúng hợp đồng, phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật về lãi suất. Cam kết của các bên trong hợp đồng về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất nên được xác định là hợp pháp, có hiệu lực thi hành đối với các bên. Tính đến ngày 26/9/2024, bà T1 còn nợ lãi theo hợp đồng số 185/TTKD TDDT TBH/01 ngày 17/12/2021 bao gồm nợ lãi trong hạn là 32.697.931 đồng, nợ lãi quá hạn là 28.863.576 đồng, phạt chậm trả là 2.581.550 đồng.

[8]. Bà Huỳnh Thụy Yến T1 mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do và không có bất cứ ý kiến nào phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, điều này cho thấy bà T1 đã từ bỏ quyền phản đối của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nên phải tự chịu hậu quả của việc không chứng minh theo khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ trên yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét, giải quyết vụ án.

[9]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T2 buộc bà Huỳnh Thụy Yến T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T2 theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay từng lần số 185/TTKD TDDT TBH/01 ngày 17/12/2021 tổng số tiền là 246.941.779 (hai trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm bảy mươi chín) đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 27/9/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[10]. Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu: Trong trường hợp bà Huỳnh Thụy Yến T1 không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng T2 có quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, phát mãi tài sản thuộc sở hữu của bà Huỳnh Thụy Yến T1 để thu hồi nợ cho Ngân hàng T2; Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Huỳnh Thụy Yến T1 đối với Ngân hàng T2. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Huỳnh Thụy Yến T1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng T2. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 71, điểm c khoản 1 Điều 217 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn rút tại phiên tòa.

[11]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

[11.1]. Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu là: 246.941.779 (hai trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm bảy mươi chín) đồng x 5% + = 12.347.089 đồng.

[11.2]. Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp khi khởi kiện.

[12]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[13]. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 117, 119, 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;
- Căn cứ vào các điều 2, 6, 7, 7a, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Căn cứ vào điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 đối với bà Huỳnh Thụy Yến T1.

Buộc bà Huỳnh Thụy Yến T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 tổng số tiền theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay từng lần số 185/TTKD TDTT TBH/01 ngày 17/12/2021 là: 246.941.779 (hai trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm bảy mươi chín) đồng, trong đó bao gồm: nợ gốc là 182.510.477 đồng, nợ lãi trong hạn là 32.697.931 đồng, nợ lãi quá hạn là 28.863.576 đồng, phạt chậm trả là 2.581.550 đồng.

Thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay từng lần số 185/TTKD TDTT TBH/01 ngày 17/12/2021.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu: Trong trường hợp bà Huỳnh Thụy Yến T1 không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 có quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, phát mãi tài sản thuộc sở hữu của bà Huỳnh Thụy Yến T1 để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T2; Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Huỳnh Thụy Yến T1 đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần T2. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Huỳnh Thụy Yến T1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T2.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thụy Yến T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.347.089 (mười hai triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm tám mươi chín) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 5.014.009 (năm triệu không trăm mười bốn nghìn không trăm không chín) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số BLTU/23P/0024533 ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND huyện H, TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huy

